

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QSSDT-HNGĐ ngày 12/06/2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 25/06/2025, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1986. Địa chỉ: B J đường V, ấp L, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số I, đường M, Tổ B, ấp L, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 13/03/2006, theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số I/2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống tại địa chỉ số nhà S, đường M, Tổ B, ấp L, xã L, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H và ông D chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H là do hai bên bất đồng quan điểm về đời sống, việc mâu thuẫn diễn ra hằng ngày, giữa ông bà không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau. Tình trạng trên kéo dài trong nhiều năm mà không thể giải quyết được nên ông bà thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà H và ông D đã tự hoà giải với nhau nhưng không hàn gắn được hôn nhân.

Bà H và ông D vẫn chung sống chung với nhau một nhà nhưng không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm cũng như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa bà H và ông D mạnh ai nấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh cho bà H được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 2006, đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết và Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013, hiện tại đang sinh sống cùng ông bà. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, cho ông D biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông D vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thành D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Nguyễn Thành D

là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông D; về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 2006, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013. Con chung Nguyễn Thành N có nguyện vọng được sống chung cùng với bà H. Do vậy giao con chung tên Nguyễn Thành N cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Nguyễn Thành D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành D, bị đơn đang cư trú tại xã L, thành phố Hồ Chí Minh (C là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, bị đơn ông Nguyễn Thành D đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thành D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số I/2006, ngày 13/06/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, có lối sống chung không phù hợp, không tin tưởng nhau dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết được nên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà H đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập

ông D đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà H; cũng như thông báo để ông D tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy lời khai của bà H về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông D không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là tên là Nguyễn Thành T, sinh năm 2006, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013.

Bà Huỳnh Thị Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là tên là Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Xét thấy cháu Nguyễn Thành N đang sinh sống cùng bà H và có ý kiến được sống cùng bà H. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có tên Nguyễn Thành N đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Ngọc H xác định không yêu cầu ông Nguyễn Thành D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 217, 218, 219, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung là tên là Nguyễn Thành T, sinh năm 2006, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013.

Giao con chung tên: Nguyễn Thành N, sinh ngày 19/6/2013 cho bà Huỳnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Thành D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thành D được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002394 ngày 08/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Đất. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THA khu vực 13;
- UBND xã Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

